TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/DS-PT
Ngày: 29/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán*: Ông Văn Thanh Gia.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 05 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Ng; cư trú tại: Xóm 2, thôn An QN, xã HC, thị xã HN, tỉnh BĐ; có mặt.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích Tr.

Cùng cư trú tại: Thôn HA, xã HC, thị xã HN, tỉnh B Đ; bà Trọng có mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền của ông T, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tr:* Ông Trần Huy T1; cư trú tại: 56 Lê TK, tổ 12, KV 2, phường NB, TP. QN, tỉnh BĐ (Giấy ủy quyền ngày 27/6/2013).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích Tr Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Ng trình bày:

Trước đây, bà đã nhiều lần cho vợ chồng ông T, bà Tr vay tiền, đến khoảng tháng 8/2022 bà Tr chốt nợ và viết giấy mượn của bà số tiền 820.000.000 đồng. Giấy mượn tiền này bà Tr ký tên, không thể hiện ngày viết, không có thời hạn trả. Ngày 03/3/2022, vợ chồng ông T bà Tr vay của bà số tiền 230.000.000 đồng, có viết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện số tiền vay 230.000.000 đồng, ông T bà Tr cùng ký tên, hẹn đến ngày 03/9/2022 trả. Ngày 28/8/2022 âm lịch, vợ chồng bà Tr mượn 5.000.000 đồng, ngày 03/9/2022, mượn 10.000.000 đồng, ngày 29/9/2022 mượn thêm 5.000.000 đồng. Ba lần mượn này một mình bà Tr viết giấy, ký tên mượn, không hẹn thời gian trả. Sau đó, bà Tr đã trả được 6.250.000 đồng, số còn lại chưa trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà Tr trả cho bà số tiền còn nợ là 1.063.750.000 đồng.

Bà Ng không chấp nhận ý kiến của bà Tr cho rằng chỉ một mình bà vay tiền (trừ số tiền 230.000.000 đồng) vì tuy bà Tr một mình viết giấy mượn nhưng ông T đều biết, bà cho cả vợ chồng ông T bà Tr vay tiền. Việc bà Tr cho rằng đã trả 60.000.000 đồng của số nợ 230.000.000 đồng là không đúng sự thật vì khoản vay 230.000.000 đồng đã hẹn ngày 03/9/2022 mới trả nên không có việc trả trước 60.000.000 đồng. Bà Tr vay nhiều lần, nhiều khoản tiền nên đã trả cho các khoản này, đến khoảng tháng 8/2022 vợ chồng bà Tr không có khả năng trả nợ nên mới chốt nợ, tổng hợp số tiền còn nợ là 820.000.000 đồng. Bà cũng không nhận tiền lãi từ bà Tr nên việc bà Tr cho rằng bà cho vay với lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng là không đúng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Vợ chồng ông và bà Tr có viết hợp đồng thế chấp vay của bà Ng số tiền 230.000.000 đồng, hẹn đến 03/9/2022 trả là đúng. Vợ chồng ông vay số tiền này là vì chồng bà Nh quen với ông nên vợ chồng ông đứng tên vay giúp cho bà Nh. Khi nào bà Nh trả tiền thì vợ chồng ông sẽ trả cho bà Ng. Việc bà Tr cho rằng đã trả 60.000.000 đồng thì ông không rõ là trả cho khoản vay nào, nếu trả cho số tiền 230.000.000 đồng thì sẽ trừ ra. Các khoản nợ khác, ông không hề hay biết, đây là nợ riêng của bà Tr, ông không có liên quan và không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Ng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Tr trình bày:

Vợ chồng bà có vay của bà Nguyệt 230.000.000 đồng giúp cho bà Nh như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là đúng, bà đã trả được 60.000.000 đồng có giấy nhận tiền do bà Ng viết. Nay bà Nguyệt đòi thì vợ chồng bà sẽ đòi bà Nh để trả cho bà Ng số tiền còn nợ. Đối với số nợ 820.000.000 đồng, đây là tiền bà vay của bà Ng từ năm 2018 để buôn gà, lúc đầu vay 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, trả lãi trả góp hàng ngày với lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng. Sau đó, bà vay thêm của bà Ng để cho người khác vay lấy lãi về góp trả cho bà Ng. Vì những người bà cho vay bỏ trốn không trả nợ nên bà không có khả năng trả cho bà Ng. Đến khoảng tháng 8/2022, bà Ng yêu cầu bà chốt nợ nên bà đã viết giấy mượn tiền với số tiền còn nợ là 820.000.000 đồng. Ngày 28/8/2022 âm lịch, bà mượn 5.000.000 đồng, ngày 03/9/2022 mượn 10.000.000 đồng, ngày 29/9/2022 mượn thêm 5.000.000 đồng là đúng. Bà đã trả được 6.250.000 đồng, chỉ còn nợ 13.750.000 đồng. Đây là nợ

riêng của bà với bà Ng, khi nào bà thu hồi nợ của những người khác thì sẽ trả cho bà Ng. Bà không đồng ý việc bà Nguyệt yêu cầu vợ chồng bà cùng trả. Do có khó khăn về kinh tế nên bà xin trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 21/03/2023 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BĐ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Ng. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T bà Nguyễn Thị Bích Tr phải liên đới trả cho bà Ngô Thị Ng số tiền 1.063.750.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, bà Nguyễn Thị Bích Tr và ông Nguyễn Thanh T kháng cáo. Bà Tr yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết: Chỉ buộc bà phải trả cho bà Ngô Thị Ng số tiền 833.750.000 đồng – (60.000.000 đồng + 151.735.000 đồng) = 622.015.000 đồng ngoài số tiền 230.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng. Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết: Chỉ buộc ông cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Bích Tr trả 230.000.000 đồng cho bà Ngô Thị Ng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Bích Tr phát biểu luận cứ và Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bà Nuyễn Thị Bích Tr, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Tr về phần bà Tr cho rằng đã trả nợ cho bà Nguyệt được 151.735.000 đồng. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Tr, HĐXX thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Bích Tr đã thừa nhận số tiền đã vay của bà Ngô Thị Ng nhiều lần đến tháng 8/2022 công lại còn nợ của bà Nguyệt 820.000.000 đồng và theo các giấy mượn tiền ngày 28/8/2022 âm lịch, ngày 03/9/2022, ngày 29/9/2022 thì có vay thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng vay của bà Nguyệt 840.000.000 đồng. Bà Ng, bà Tr thống nhất bà Trọng đã trả được 6.250.000 đồng theo khoản nợ 20.000.000 đồng nên còn nợ bà Ng 833.750.000 đồng. Ngoài ra bà Tr còn nại rằng đã trả thêm cho bà Nguyệt 60.000.000 đồng (có giấy trả tiền) và 151.735.000 đồng (bằng chuyển khoản). Tuy nhiên, nội dung các giấy mà bà Tr cung cấp cho rằng là giấy trả tiền thì lại không thể hiện rõ số tiền là bao nhiêu, là khoản tiền gì, trả cho khoản nợ nào, ai là người trả tiền, ai là người nhận tiền và trong các giấy này còn thể hiện nội dung chơi huê, hụi. Hơn nữa, bà Tr cũng không cung cấp chứng từ thể hiện việc trả cho bà Ng 151.735.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và bà Ng cũng không thừa nhận việc này.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, HĐXX thấy rằng: Tuy ông Nguyễn Thanh T không ký vào giấy nhận nợ 820.000.000 và các giấy nhận nợ 20.000.000 đồng vào các ngày 28/8/2022 (AL), ngày 03/9/2022, ngày 29/9/2022 nhưng trước đó và sau này vợ chồng Tú và bà Nguyễn Thị Bích Tr đã có vay mượn tiền của bà Ngô Thị Ng và bà Tr cũng đã thừa nhận ban đầu vay tiền của bà Ng với mục đích là để buôn gà nhưng bị thua lỗ, sau đó vay lấy vốn để cầm cái huê hụi nhưng bị người khác giật nợ nên mới tiếp tục vay với mục đích cho người khác vay lại lấy lãi để trả nợ. Hơn nữa, trong suốt thời gian này và cho đến nay, vợ chồng ông T và bà Tr vẫn chung sống với nhau, cùng nhau làm ăn, chăm lo cho cuộc sống gia đình nên việc vay tiền của bà Ng là để đáp ứng nhu cầu cần thiết của gia đình. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T với bà Tr phải liên đới trả nợ chung 1.063.750.000 đồng cho bà Ng là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Tr và của ông Nguyễn Thanh T là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không có yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 929/2020/QĐ-BPKCTT ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã HN, quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Do đó, sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thì các đương sự có quyền yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên, theo quy định tại điểm g khoản 1, khoản 3 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị Bích Tr và của ông Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Bích Tr của ông Trần Huy T1 là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Ý kiến về việc giải quyết vụ án là có một phần không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Tr và của ông Nguyễn Thanh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 21/03/2023 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BĐ

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ng. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T bà Nguyễn Thị Bích Tr phải liên đới trả cho bà Ngô Thị Ng số tiền 1.063.750.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) làm một lần.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T bà Nguyễn Thị Bích Tr phải chịu 43.912.500 đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Ng 21.750.000 đồng và 350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0000157 ngày 07 tháng 10 năm 2022 và Biên lai thu số: 0000310 ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, tỉnh BĐ.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích Tr và ông Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0000656 ngày 13/4/2023 và Biên lai thu số: 0000657 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

3. Các đương sự có quyền yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 929/2020/QĐ-BPKCTT ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã HN, theo quy định tại điểm g khoản 1, khoản 3 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX. HN;
- CCTHADS TX. HN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương